

NGUYỄN VĂN THẠNH*

KINH LÁ BUÔNG - TRIẾT LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC ĐỜI VỚI ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỘNG ĐỒNG NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Tóm tắt: Trong kho tàng nghệ thuật và văn hóa của cộng đồng người Khmer Nam Bộ vẫn còn bảo lưu một hệ thống di sản văn hóa truyền thống vô cùng đặc sắc. Trong số đó, tiêu biểu có kinh lá buông, loại hình nghệ thuật độc đáo được viết trên lá để kết tập thành những bản kinh với mục đích ghi lại, chép lại những điển tích Phật học hay những luật tục giáo huấn của người Khmer. Cho đến nay, kinh lá buông được xem là di sản lớn, vừa có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, vừa là mạch nguồn sâu xa trong chiều sâu tâm thức con người, để từ đó góp phần quy định nên diện mạo xã hội và lối sống tộc người của cộng đồng Khmer trong suốt quá trình định cư và sinh tụ lâu dài ở vùng đất Nam Bộ. Tìm hiểu và nghiên cứu kinh lá buông không chỉ góp phần vào việc bảo tồn và phát huy ảnh hưởng của nó đối với đời sống văn hóa tinh thần, mà còn tôn vinh các giá trị cao quý, nhân văn trong việc xây dựng một xã hội Khmer đạo đức, văn minh, phát triển có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

Từ khóa: Kinh lá buông; Satra; Khmer; Nam Bộ.

Dẫn nhập

Cộng đồng người Khmer có quá trình định cư và sinh tụ lâu dài ở vùng đất Nam Bộ. Trong suốt quá trình đó, cộng đồng người Khmer đã thực hiện song hành các nhiệm vụ như vừa khai thác, cải tạo các điều kiện tự nhiên để sinh tồn, vừa thực hiện nhiệm vụ bảo lưu và truyền kế các giá trị văn hóa trong đời sống tinh thần để từ đó đứng vững và lâu

* Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 03/12/2021; Ngày biên tập: 13/7/2022; Duyệt đăng: 02/8/2022.

dài trong tính ổn định không tách rời khỏi môi trường sống ở vùng đất Nam Bộ. Tính đến nay, cộng đồng người Khmer có khoảng 1,3 triệu dân, sinh sống chủ yếu ở các tỉnh, thành ở Nam Bộ như: Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang và Cần Thơ. Không gian cư trú truyền thống của cộng đồng người Khmer là “Phum, Sóc” được gắn liền với lối sống quần cư khép kín xung quanh các ngôi chùa Phật cổ kính và uy nghiêm. Người Khmer Nam Bộ có một nền văn hóa truyền thống phong phú và đặc sắc, vừa mang đậm màu sắc tôn giáo, vừa mang đậm màu sắc văn hóa dân gian. Từ sự đan xen và hòa quyện đó giữa các dòng văn hóa trong xã hội Khmer đã góp phần định hình và tạo nên hình thái văn hóa đặc trưng trong lối sống của cộng đồng hơn hai thế kỷ qua. Đây được xem là tộc người có dân số cao nhất trong nhóm Môn Khmer thuộc ngữ hệ Nam Á sinh sống tại Việt Nam. Họ có tiếng nói và chữ viết riêng, cũng như có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo vô cùng đặc sắc được gắn liền cùng triết lý nhà Phật và quan niệm dân gian vô cùng sâu sắc bởi tính giáo huấn, khuyến răn đức hạnh thâm sâu từ kinh Phật và luật tục được ghi chép, truyền thừa trong các bản kinh Satra trên lá buông.

Satra được hiểu là những dòng chữ được ghi chép trên lá buông được sắp xếp thành bộ một cách cẩn trọng, có thứ tự theo từng bản kinh. Đây được xem là bộ kinh sách giá trị, một trong những tài liệu quý hiếm của Phật giáo Nam tông Khmer. Nó minh chứng một cách rõ nét cho lịch sử hình thành và phát triển của loại hình nghệ thuật và kiến trúc độc đáo trong kinh điển Phật giáo. Trong phạm vi bài viết này, với mong muốn nghiên cứu, tìm hiểu sâu về triết lý giáo dục đạo đức trong kinh lá buông, tác giả bài viết muốn chuyển tải và chia sẻ một cách cơ bản tinh thần nhân văn của triết lý giáo dục trong kinh lá buông nhằm lan tỏa các giá trị văn hóa nền tảng, đồng thời cũng minh chứng cho đời sống tín ngưỡng, tôn giáo đặc sắc trong lối sống của cộng đồng người Khmer. Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu này, tác giả bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với các kỹ thuật nghiên cứu thực địa và khảo cứu tư liệu.

1. Lịch sử và nguồn gốc kinh lá buông

Bất kỳ dân tộc nào cũng đều có ngôn ngữ và chữ viết. Ngôn ngữ và chữ viết của từng dân tộc chính là kết quả của quá trình khái quát hóa,

trừu tượng hóa các sự vật và hiện tượng trong đời sống hiện thực, là phương tiện để con người trong dân tộc đó có thể giao tiếp, trao đổi và truyền đạt kinh nghiệm từ đời này sang đời khác. Từ sự phát triển đó của ngôn ngữ và chữ viết, từng dân tộc lựa chọn phương thức để ghi lại, chép lại, phản ánh lại thực tiễn đời sống xã hội sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh sống của dân tộc mình.

Theo Lê Phụng Hoàng (chủ biên) trong cuốn *Lịch sử văn minh thế giới* đã nhận định rằng: “Chữ Khmer cổ xuất hiện lần đầu tiên trên minh văn Ấng-co Borey năm 611, phát triển và hoàn chỉnh dần đến thế kỷ thứ XV thì hoàn toàn chiếm vị trí chủ đạo trong hệ thống văn bản Khmer”¹. Lê Hương trong cuốn *Người Việt gốc Miên* đã chỉ rõ về nguồn gốc hình thành chữ viết Khmer. Ông cho rằng, chữ viết Khmer do người Khmer dùng chữ Sanskrit (Bắc Phạn) tạo ra². Ban đầu, các quốc vương Khmer lấy Bàlamôn làm quốc giáo, nên các tu sĩ Ấn Độ đã dùng chữ Sanskrit để ghi chép kinh sách và việc làm của vua. Về sau, các nhà khảo cổ đã tìm thấy các bản văn đó được chạm khắc trên các bia đá, cột đền, cửa tháp. Từ thế kỷ VI, người Khmer đã dùng nét chữ này để xây dựng thành hệ thống văn phạm trong ngôn ngữ chính quốc và tạo ra chữ viết riêng. Từ đây, người Khmer chính thức có chữ viết của dân tộc mình. Cũng theo tác phẩm này, khi Phật giáo được truyền bá rộng rãi và ăn sâu vào đời sống tinh thần của xã hội Khmer thông qua chữ Pali (Nam Phạn), các trí thức Khmer thời đó đã vay mượn thêm nhiều danh từ để bổ sung vào hệ thống ngôn ngữ Khmer cho đa dạng và phong phú đến ngày nay.

Từ sự phát triển của ngôn ngữ và chữ viết, khi nói đến lịch sử và nguồn gốc kinh lá buông cũng đồng thời nói đến quá trình phát triển tự thân của ngôn ngữ và chữ viết trong lòng xã hội Khmer, và tất nhiên nó cũng đề cập đến thực tiễn đời sống con người, giữa đời sống tín ngưỡng, tôn giáo với lịch sử hình thành và phát triển tộc người. Theo các tài liệu văn hóa và lịch sử đã ghi nhận, người Khmer Nam Bộ theo ngữ hệ Nam Á hay còn gọi là Môn Khmer, một ngữ hệ lớn ở Đông Nam Á và cũng được phân bố rải rác ở Ấn Độ, Bangladesh, Nepal,... Người Khmer có tiếng nói và chữ viết riêng. Sau khi Phật giáo du nhập vào đời sống và đồng hành cùng đời sống tín ngưỡng,

tôn giáo trong xã hội Khmer, người Khmer Nam Bộ đã nhanh chóng tiếp thu ngôn ngữ và giáo lý Phật giáo bằng tiếng Pali qua kinh sách để từ đó có sự kết hợp, tiếp biến nhằm đi đến tính thống nhất chung về ngôn ngữ và chữ viết trong đời sống văn hóa cộng đồng. Từ khi định hình được ngôn ngữ và chữ viết, người Khmer Nam Bộ đã ghi chép, phản ánh lại những suy nghĩ, quan niệm về sự sống con người qua các mặt của đời sống vật chất và tinh thần hay tự nhiên và xã hội. Điều này được thể hiện rất rõ qua các tác phẩm văn học, nghệ thuật hết sức đặc sắc được lưu truyền trong văn chương truyền khẩu hay trong các vật thể hữu hình như bìa đá, giấy xếp, lá buông và sau này là các văn bản trên giấy trong văn hóa Khmer.

Từ những phát hiện ban đầu về mặt khảo cổ đã cho thấy, Kinh Phật viết trên lá buông được xuất hiện vào khoảng thế kỷ II sau Công nguyên ở Ấn Độ. Ở Việt Nam, tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước cũng lưu giữ kinh lá buông được viết bằng tiếng Khmer cổ hay tiếng Pali theo các trường phái Thomadut và Mahainikai³. Đây là loại thư tịch cổ vô cùng quý hiếm được người Khmer khắc tỉ mỉ, công phu trên lá buông, gọi là Satra Slác-Rút (hay gọi tắt là Satra). Đó là những bộ kinh lá ghi lại toàn bộ những lời giảng của Đức Phật, những tri thức dân gian, kinh nghiệm cuộc sống hay những lời khuyên răn đức hạnh của các bậc tiền bối thuở xưa để chỉ dạy người đời thực hành sống thiện, sống có ích và đồng thời tránh xa những điều thị phi, dối trá.

Theo dân gian Khmer, lá buông là lá của loại cây có hình dáng giống như cây Thnot⁴, trước đây được sinh trưởng và hiện diện khá phổ biến ở khắp vùng sông Tiền và sông Hậu. Đó là nguồn nguyên liệu lớn, dồi dào, được dùng làm phương tiện ghi chép rất tốt do tính hữu dụng và chịu đựng thời tiết tương đối an toàn. Hơn nữa, sở dĩ người Khmer lựa chọn lá buông là phương tiện dùng để ghi chép, lưu trữ kinh bởi đây là loại lá có đặc tính dai, bền, sạch, có màu trắng sáng dễ nhìn nên khi viết chữ trên lá sẽ đảm bảo được tính ổn định, ít phai mờ hay hư mục trong suốt quá trình bảo quản.

Để tạo ra một bộ kinh lá vừa mang tính thẩm mỹ, vừa mang tính trang nghiêm, đòi hỏi quy trình chế tác vô cùng nghiêm túc, công phu.

Trước khi cắt lá làm giấy, người Khmer thực hiện các nghi thức cúng bái, cầu khẩn để xin phép thần linh, Phật, Trời phù hộ cho mọi việc được diễn ra thuận lợi. Sau khi thực hiện xong các nghi thức cầu khẩn, người Khmer tiến hành các bước lựa chọn giấy viết. Trước tiên, họ sẽ chọn những đọt cây có lá tốt, đẹp, sau đó ghép chúng vào khung cây (thời gian từ ba đến năm tháng) để lá phát triển theo ý muốn với mục đích vừa hạn chế ánh sáng Mặt trời, vừa đảm bảo cho lá không bung, mở ra nhưng vẫn phát triển bình thường. Gần một năm sau khi thực hiện công đoạn chọn lá, người Khmer sẽ hạ, chặt và mang lá về phơi khô, sau đó họ cắt lá thành hình chữ nhật rồi mang đi ép cho thẳng và xếp thành từng xấp, đồng thời họ dùng nẹp bằng gỗ kẹp chặt để giữ lá được thẳng. Tuy nhiên, trước khi hạ chặt lá viết, người Khmer cũng thực hiện nghi thức cầu khẩn Trời, Phật chứng giám và phù hộ, rồi sau đó mới tiến hành cắt lá.

Để viết được trên lá hay đúng hơn là khắc chữ trên lá buông được tốt, các nghệ nhân Khmer dùng loại cây có thân gỗ hoặc sừng, được vót tròn và cắt ngắn vừa tay. Ngòi viết là mũi kim được mài nhọn. Khi tiến hành khắc chữ, các nghệ nhân Khmer phải hết sức cẩn trọng để đường nét của chữ không bị lệch, vì chỉ sai một nét, một chữ là phải bỏ đi lá đó. Hơn nữa, để khắc thành công và trọn vẹn một bộ kinh, đòi hỏi không gian chạm khắc phải đảm bảo yên tĩnh, trang nghiêm để các nghệ nhân Khmer có thể bình tâm mà thả hồn vào từng nét chữ. Vì lẽ đó mà việc viết kinh trên lá chủ yếu do các nhà sư Khmer thực hiện, bởi xuất phát từ việc am tường kinh Phật và giáo lý Phật giáo, cũng như có được trí tuệ và thiền định tốt nên việc hoàn thành bộ kinh do các sư thực hiện được diễn ra thuận lợi, trang nghiêm. Khi hoàn thành bộ kinh, các nghệ nhân Khmer lấy bồ hóng⁵ trộn với dầu thông xoa đều lên chữ viết, đồng thời lau cho mặt lá sạch bóng để chữ viết được thể hiện rõ hơn. Cứ thế, người Khmer viết hết trang lá này đến hết trang lá khác một cách tỉ mỉ, công phu rồi đóng thành từng tập có bìa gỗ hoàn chỉnh. Theo chia sẻ của một số sư cả ở các chùa, để tăng thêm độ bền và làm cho tập kinh được sáng đẹp, người Khmer còn lấy dung dịch nước bột vàng⁶ quét lên gáy sách, khi đó bộ kinh lá sẽ chuyển màu như màu sơn son thiếp vàng rất trang nghiêm.

Từ sự tỉ mỉ, công phu để hoàn thành một bộ kinh lá buông, ngày 23/01/2017, trong Quyết định công bố danh mục mười một Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ghi nhận và xướng danh tri thức, kỹ thuật viết chữ trên kinh lá buông của người Khmer thuộc loại hình tri thức dân gian. Hiện nay, những bản kinh lá buông đang được lưu giữ cẩn trọng rải rác ở các chùa Khmer Nam Bộ, như: Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang,..., nhưng phần lớn được tập trung chủ yếu ở các chùa Khmer thuộc hai huyện miền núi là Tịnh Biên và Tri Tôn của tỉnh An Giang. Theo thống kê, ở An Giang, kinh lá buông hiện còn lưu giữ trên 100 bộ ở 30/65 chùa Khmer ở Tri Tôn và Tịnh Biên. Trong đó, các chùa hiện còn lưu giữ các bản kinh lá với số lượng lớn là các chùa: Xvay-Ton, Mỹ Á, Xoài So, Sà Lôn,... được gắn liền với các nghệ nhân lớn, như: Chau Ty, Chau Kăk, Chau Sơn Hy, Chau Poly, Chau Sóc Khon,...

Nhìn từ góc độ tôn giáo, kinh lá buông được xem là tài liệu mang giá trị lớn khi nó bảo lưu gần như đầy đủ, trọn vẹn một hệ thống kinh Phật, các bản chú giải, sớ giải của Phật giáo Nam tông theo hệ thống ngôn ngữ Pali và chữ Khmer. Ở góc độ xã hội, kinh lá buông đã thể hiện rõ vai trò to lớn trong việc tạo ra tính gắn kết cộng đồng bền chặt. Tóm lại, kinh lá buông được xem là giáo trình lớn, chủ đạo được dùng vào công tác giảng dạy ở các trường Phật học trong hệ thống Phật giáo Nam tông Khmer, cũng như trong các buổi thuyết pháp, thuyết giảng lớn ở các đại lễ Phật giáo. Nói rộng hơn, kinh lá buông chính là bộ bách khoa toàn thư chứa đựng nội dung đa dạng ở các mặt, như: khoa học vũ trụ và con người, giáo lý tôn giáo, triết học, thần học, kiến trúc, thiên văn, địa lý, văn hóa, nghệ thuật, nông nghiệp, thương mại, khoa học môi trường,... trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Khmer Nam Bộ để từ đó góp phần tạo nên một cộng đồng người, một xã hội Khmer hòa mục, lấy tinh thần Phật giáo làm nền tảng căn bản để xây dựng và phát triển xã hội.

2. Nội dung kinh lá buông

Có thể thấy rằng, ngôn ngữ và chữ viết ra đời không phải xuất phát từ những cảm xúc đơn thuần hay suy nghĩ trừu tượng, mà nó được hình thành từ những yêu cầu trong đời sống xã hội của con người. Có

dân tộc đã cụ thể hóa tiếng nói và ngôn ngữ của dân tộc mình bằng việc ghi chép lại, phản ánh lại thực tiễn đời sống trên các phương tiện như: đất, da thú, giáp cốt, bia đá hay thẻ tre,... nhưng cũng có dân tộc lựa chọn hình thức viết trên lá như dân tộc Khmer để lưu trữ dữ liệu, sử liệu. Riêng hình thức viết trên lá của cộng đồng người Khmer đã có từ khá lâu (thế kỷ XIX), nó gắn liền xuyên suốt với quá trình định cư lâu dài ở vùng đất Nam Bộ. Xuyên suốt trong quá trình đó, người Khmer Nam Bộ đã đúc kết, chắt lọc để viết thành bộ Satra chữ viết mang đầy đủ, trọn vẹn cái hồn của văn hóa dân tộc.

Căn cứ vào nội dung trong kinh, có thể chia kinh lá buông thành bốn nhóm chính gồm: Satra Rương (Satra truyện), Satra Lô-beng (Satra giải trí), Satra Chợ-bấp (Satra luật giáo huấn) và Satra Tês (Satra kinh, kệ). Trong đó, tùy từng bản kinh mà ý nghĩa và vai trò của nó sẽ thể hiện rõ, cụ thể như sau:

Satra Rương (*truyện dân gian*) là bộ Satra viết truyện, cũng có thể gọi là bộ văn học dân gian (*Óc-so-sác-po-ro-lom-luốc*) ghi lại những mẫu truyện xưa tích cũ với mục đích mượn truyện đời xưa để giáo huấn người đời nay. Trong Satra Rương người ta chia thành các hình thái khác nhau, như: Rương-bo-ran (truyện cổ), Rương-ni-tiên (truyện kể) hay Rương-bờ-đóm (truyện đời xưa). Tuy nhiên, để phân biệt giữa các thể loại truyện khác nhau như thần thoại, truyền thuyết hay ngụ ngôn,... người Khmer dựa vào các thuật ngữ để gọi tên chúng. Chẳng hạn như: Rương-a-sti-tiếp là những truyện thần thoại đúng nghĩa để phân biệt với Rương-pơ-ri-đích (truyện ma quỷ hoang đường) hay Rương-tê-vok-tha (tiên thoại), Rương-pa-pắc-câm (tôn giáo thoại), Rương-sác-sa-na (truyện giả sử kể về tiểu sử các vị bồ tát) và Rương-pơ-rông (truyện dân gian có tính thần kỳ),... Ngoài ra, đối với thể loại truyện cười hay ngụ ngôn, người Khmer cũng phân loại chúng thành nhiều loại khác nhau như: Rương-sát-bạc-sây (truyện muông thú), Rương-kom-phleng (truyện trào phúng) hay Rương-rao-xà-bay (truyện khôi hài),...

Từ tính đa dạng và phong phú về thể loại như thế, có thể thấy Satra Rương không đơn thuần chỉ là bộ Satra dùng để kể truyện, mà nó còn được dùng để chế tác, chuyển thể thành các tác phẩm văn học, nghệ thuật đặc sắc với tính ứng dụng cao. Trong đó, đi đôi với chức

năng truyền khẩu, người Khmer Nam Bộ còn dùng Satra Rương để dựng thành những kịch bản sân khấu trong nghệ thuật hát múa đặc trưng của văn hóa Khmer như Rô băm, Dì kê hay Dù kê. Hơn thế nữa, người Khmer còn dùng Satra Rương để ứng tác, xây dựng thành nhiều tác phẩm khác nhau cho lối đọc xướng truyện thơ như Châm-riêng-chà-pây, hát đối đáp À dây, À day Rương (À day truyện). Ngoài ra, Satra Rương còn được các nghệ nhân Khmer nghiên cứu để chế tác thành các tác phẩm đặc sắc trong nghệ thuật hội họa, điêu khắc và trang trí mỹ thuật ở các chùa với nhiều đề tài đa dạng và phong phú, có nguồn gốc từ tích truyện dân gian. Rõ ràng, Satra Rương chính là thành tố chủ yếu không chỉ đối với loại hình văn học dân gian, mà nó còn là nhân tố chủ đạo góp phần làm cho kho tàng văn học, nghệ thuật Khmer vừa có tính huyền bí, vừa có tính thẩm mỹ qua việc đề cao, tôn vinh cái đẹp. Hơn nữa, ý nghĩa lớn nhất có thể thấy từ Satra Rương chính là việc thay đổi nhận thức của toàn cộng đồng xã hội Khmer trong quan niệm về thiện - ác, tốt - xấu, về chính nghĩa - gian tà để từ đó có những chuyển biến sâu sắc trong tư duy và thái độ sống khi thực hiện quá trình di cư và sinh tụ lâu dài ở vùng đất Nam Bộ.

Satra Lò-beng (Satra giải trí) là bộ Satra ghi chép chủ yếu các hoạt động vui chơi giải trí, trò chơi dân gian hay hoạt động thể dục thể thao cổ truyền trong xã hội Khmer. Phần lớn nội dung trong Satra Lò-beng thể hiện rõ ở hai khía cạnh. Một mặt, Satra Lò-beng phản ánh lối sống thuần nông bình dị của những cư dân Khmer thông qua những trò chơi dân gian có tính chất vui chơi, giải trí trong lao động sản xuất, cũng như sinh hoạt xã hội như: đấu vật, đá gà, đánh cầu, thả diều,... Mặt khác, Satra Lò-beng cũng toát lên tinh thần tự do, phong thái phóng khoáng, ung dung, tự tại trong sinh hoạt xã hội mà thông qua các buổi hội hè đã minh chứng rất rõ cho tính cách và lối sống bình dân, mộc mạc của những cư dân lao động Khmer. Ngoài ra, cái hay có tính giao thoa trong Satra Lò-beng được thể hiện rõ ở việc nó vừa lồng ghép vào đó những mẫu chuyện dân gian vui nhộn có tính giải trí, vừa gắn liền với các quan điểm về nghiệp báo, luân hồi trong giáo huấn con người theo triết lý Phật giáo. Cho nên, có thể thấy trong Satra Lò-beng đã thể hiện rõ tính mâu thuẫn giữa “việc khuyến thiện, răn ác được thuyết minh một cách giáo điều, nặng về phân minh họa giáo lý hơn là

phản ánh các quan hệ xã hội”⁷. Chính điều này đã làm cho Satra Lò-beng bị đồng nhất với Satra Rurang.

Satra Chơ-bấp (*Satra luật giáo huấn*) được xem là bộ Satra kinh điển, nổi bật nhất trong toàn bộ nội dung của kinh lá buông. Người Khmer gọi Satra Chơ-bấp là giáo huấn ca một cách đầy trang nghiêm bởi tính chất và vai trò của nó trong phương thức sinh hoạt của đời sống cộng đồng. Để lĩnh hội tri thức từ Satra Chơ-bấp, người Khmer chia chúng cho hai nhóm đối tượng khác nhau. Một là loại sử dụng cho người tu hành, loại này chủ yếu nói về việc tu trì, các giới luật, cũng như việc học Phật tu nhân đối với người đi tu. Hai là loại sử dụng cho người thường, loại này chủ yếu đề cập đến việc giáo huấn, khuyên răn đức hạnh của người xưa trong cách thức giáo dục đối với con cháu.

Theo thống kê một cách đầy đủ nhất, trong Satra Chơ-bấp có đến mười một giáo huấn ca được ghi chép, bao gồm:

1. Chơ-bấp Pờ-rô: Luật dạy con trai.
2. Chơ-bấp Sơ-rây: Luật dạy con gái.
3. Chơ-bấp Hê-ma-hachan: Luật dạy dân chúng.
4. Chơ-bấp Bon-đam-bi-đia: Luật dạy của bậc làm cha.
5. Chơ-bấp Koon-chau-lo-bóc: Luật dạy con cháu.
6. Chơ-bấp Tôul-miên-khơ-luông: Luật tu thân.
7. Chơ-bấp Vi-thua-banh-dit: Luật người trí thức.
8. Chơ-bấp Piêk-chas: Luật dạy của người xưa.
9. Chơ-bấp Rích-nê-tiéc hay còn gọi là Chơ-bấp Pờ-rặc-Hích-sâm-phia: Luật nhà vua dạy dân chúng.
10. Chơ-bấp Kê-kal: Luật di huấn, còn gọi là Chơ-bấp Sê-thây: Luật phú hộ dạy con.
11. Chơ-bấp Pơ-kôn-cháu: Luật dạy con cháu⁸.

Xuất phát từ nội dung của các giáo huấn ca có thể thấy rằng, nền tảng chính yếu trong Satra Chơ-bấp chủ yếu đề cập và xoay quanh triết lý sống hướng thiện, cùng với việc khuyên răn đức hạnh của người xưa trong phương thức giáo dục đạo đức con người. Hơn nữa, song hành

cùng triết lý giáo dục đạo đức làm người, Satra Chơ-bấp còn chỉ ra những tồn tại, hạn chế, cũng như đề cập đến các yếu tố làm ảnh hưởng đến quá trình xây dựng và phát triển xã hội của người Khmer. Đó là việc phê bình, lên án những thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội có ảnh hưởng nhất định đến thuần phong mỹ tục trong văn hóa dân tộc, như: trộm cắp, gian dối, lừa đảo, cờ bạc,... với mục đích khuyên nhủ người đời tránh xa, không vướng phải những luồng văn hóa xấu, ngoại lai.

*Satra Tê*s (*Satra Kinh, kệ*) là loại Satra ghi chép toàn bộ những lời Phật thoại hay kinh Phật một cách cơ bản nhất. Theo ngôn ngữ Khmer, Satra Tê được xem là loại hình văn học mang tinh thần Phật giáo trong kho tàng văn học, nghệ thuật Khmer. Để cấu thành nên Satra Tê, về cơ bản có các tập sau: *Một là* tập Chiếc-dok, đây là ghi chép phần lớn các truyện kể về kiếp trước của Đức Phật Thích Ca; *Hai là* tập Tô-chiếc, chủ yếu ghi chép về các hạnh của Đức Phật như: hạnh bố thí, hạnh trì giới, hạnh tinh tấn,...; *Ba là* tập Mô-ha, đề cập đến đại kiếp của Đức Phật, và đây cũng được xem là bộ sách lớn, đồ sộ viết về cuộc đời Đức Phật (gồm 14 quyển); *Bốn là* tập Trai-pê-dot (Tam tạng kinh) hay Thâm-ma-pa-da (Pháp cú kinh) được phiên dịch từ kinh tạng Pali sang ngôn ngữ Khmer. Đây được xem là những tập kinh sách phổ biến được các sãi giáo Khmer dùng cho việc giảng dạy, thuyết pháp ở những đại lễ lớn, với mục đích để giáo huấn, truyền thừa ánh sáng và tinh thần Phật giáo đến với các con sóc Khmer.

Nhìn chung, bộ kinh lá buông chính là sự tổng hợp của nhiều bộ kinh, tập kinh riêng lẻ. Bộ kinh lá không chỉ là sản phẩm trí tuệ mang hàm lượng tri thức, mà nó còn là di sản lớn chứa đựng triết lý giáo dục thâm sâu. Trong đó, từ nền tảng của các Satra, người Khmer Nam Bộ đã đúc kết, xây dựng thành các quan điểm sống tiến bộ trong quan niệm về con người, đạo đức và nhân sinh để có sự kết hợp hài hòa giữa đạo và đời, giữa tinh thần Phật giáo với quan niệm dân gian trong phương thức tổ chức và sinh hoạt đời sống xã hội.

3. Triết lý giáo dục đạo đức trong kinh lá buông

Có thể thấy rằng, kinh lá buông chính là báu vật lớn trong kho tàng nghệ thuật và văn hóa của cộng đồng người Khmer. Đây được xem là loại hình nghệ thuật vừa mang giá trị văn hóa vật thể, vừa mang giá trị

văn hóa phi vật thể khi nó chứa đựng và mang đến cho đời sống cộng đồng sự ổn định về mặt tinh thần với triết lý sống gắn liền cùng nền tảng đạo đức của văn hóa tộc người.

Nhìn một cách tổng quan có thể nhận ra, hầu hết các văn bản ghi trên lá buông chính là sản phẩm của văn học dân gian, của tri thức và triết lý Phật giáo, được người Khmer ghi chép lại và chuyển thể thành những câu chuyện, những mẫu chuyện hay, sâu sắc gắn liền một cách gắn gũi với đời sống cộng đồng. Nó phản ánh một cách chân thực những kinh nghiệm cuộc sống, quan niệm dân gian để truyền thừa và thực hiện song hành với nhiệm vụ giáo huấn đức hạnh con người. Vì lẽ đó mà giáo dục được xem là yếu tố then chốt, nền tảng trong phương thức tổ chức và xây dựng đời sống xã hội của người Khmer. Điều này được phản ánh rất rõ ở nội dung kinh lá buông qua những điểm sau:

Thứ nhất, kinh lá buông thực hiện việc khuyên dạy con người hành thiện, sống thiện. Có thể thấy rằng, trong giáo lý Phật giáo Nam tông Khmer, bên cạnh các giới luật căn bản được áp dụng bắt buộc đối với người tu hành như “không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và các chất gây nghiện” (ngũ giới) vẫn còn nhiều giới luật khác mà người tu hành và tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer phải tuân thủ, giữ giới để tùy vào hoàn cảnh và điều kiện mà có thái độ ứng xử cho phù hợp. Điều này đã được minh chứng rất rõ ở quan niệm về thiện ác, tốt xấu, đúng sai, cũng như những việc nên hay không nên trong ăn nói và quan hệ ứng xử. Chẳng hạn như, trong luật tục Khmer có dạy rằng:

“Kùm đơy pút pel kùm som kùm sếp

Kùm sóp kùm sral, k ùm o kùm al T'rêk đơy ngey”

(Đừng theo điều xấu

Đừng nhẹ dạ mà làm theo điều xấu)⁹.

Cũng có đoạn đoạn dạy rằng:

“Th-ék muôi chia kho-êc-đóp;

(Một con quạ thành mười con quạ)

Chacht chia tê-vô-tót, mocht chia te-vo-da”

(Tâm xà, khẩu Phật)¹⁰.

Hay ở các dịp lễ lớn trong năm, những tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer cũng được khuyến dạy nhiều điều về việc thực hành điều thiện. Vào những dịp này, ngoài những buổi tụng kinh cầu siêu cho vong linh những người đã chết, các sư sãi Khmer còn lấy những câu chuyện hay, ý nghĩa về nghiệp báo và luân hồi để giáo huấn người đời. Đơn cử như chuyện kể về chàng trai báo hiếu mẹ Socpenh Kokma¹¹, truyền thuyết về tục đắp núi cát¹² hay truyện về người thợ săn thú rừng trong dân gian Khmer¹³,... để răn dạy người đời và minh chứng cho quan niệm “sống thiện sẽ gặp điều thiện, ở hiền ắt sẽ gặp lành”.

Thứ hai, kinh lá buông nhắc nhở, khuyến dạy người đời ra sức tu tâm, dưỡng tính. Khi đề cập đến tâm tính con người, Phật giáo luôn cho rằng mọi điều, mọi việc đều xuất phát từ tâm, do tâm mà ra. Từ quan điểm này có thể hiểu nguồn gốc của mọi sự khổ đau hay vui buồn trong kiếp sống con người suy cho cùng đều do tâm sinh ra. Nó chính cốt lõi, là căn nguyên của mọi dục vọng nơi trần thế. Vì lẽ đó mà Phật giáo luôn chủ trương xóa bỏ vô minh, xóa bỏ cái u tối trong tâm con người bằng việc trì giới và thực hành các con đường giải thoát từ sự nhận thức đúng đắn của tâm tính.

Thấu hiểu được nguyên nhân của sự khổ là do tâm tạo ra nên phần lớn các tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer luôn chú ý, hết sức cẩn trọng trong suy nghĩ và hành động để có thể dung hòa một cách tốt nhất giữa đạo và đời. Trong hầu hết các buổi sinh hoạt tôn giáo hay những đại lễ của năm, các tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer vừa được khuyến dạy về việc hành thiện, sống thiện, vừa nghiêm túc chiêm nghiệm lại những gì đã qua trong quá khứ để ra sức điều chỉnh, tu dưỡng tâm tính sao cho tâm luôn an lạc, bớt phiền não, tránh được những suy nghĩ u tối mà gieo rắc những mầm sống tốt. Trong Chơ-bấp Piêk-Chas (luật khuyến của người xưa) có dạy rằng: “*Uóc tus kum ôl la an*” với ngụ ý “Kéo xuống thì phải kéo nhẹ nhàng không được để nước sông bị đục”¹⁴. Điều này đại ý muốn nhắc nhở, khuyên răn người đời phải rèn luyện tâm tính thật tốt, phải kiên trì, nhẫn nại trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đồng thời phải biết tiết chế cảm xúc để tránh

những xung đột, bất hòa, cũng như những điều không hay do tâm không tịnh gây ra. Rõ ràng, người Khmer rất tinh tế trong việc giáo huấn đức hạnh con người. Họ mượn những hình ảnh cụ thể từ các sự vật, hiện tượng trong đời sống hiện thực để thực hiện việc so sánh, đối chiếu, dẫn chứng để khuyên răn, giáo dục người đời gần gũi, dễ hiểu để mỗi người tự điều chỉnh, sửa chữa

Rõ ràng, từ quan điểm này đã cho thấy, kinh lá buông luôn là điểm tựa tinh thần vững chắc đối với đời sống tinh thần con người trong xã hội Khmer. Nó chính là ánh sáng phản chiếu và soi rọi cho tâm tính con người luôn ở trạng thái tĩnh lặng nhất, qua đó giúp cho việc nhận thức và hành vi của con người được đúng đắn, nhẹ nhàng nhằm tránh gây ra những điều xấu, điều không hay trong giao tiếp và quan hệ ứng xử giữa con người với nhau.

Thứ ba, kinh lá buông góp phần củng cố và xây dựng các mối quan hệ đạo đức xã hội. Có thể thấy rằng, song hành cùng với các thiết chế pháp quyền xã hội, có thể xem đạo đức chính là công cụ quan trọng để điều chỉnh và định hướng các mối quan hệ xã hội, trước hết là các mối quan hệ gia đình, dòng họ, làng xóm và cộng đồng dân cư. Điều này đã được thể hiện rõ ở vai trò trung tâm của bộ kinh lá khi nó thực hiện việc khuyên răn và định hướng thiết lập các mối quan hệ đó một cách ổn định trong xã hội Khmer. Điều này đã được minh chứng như sau:

Trong mối quan hệ gia đình, kinh lá buông khuyên dạy con người phải ra sức tu dưỡng và giữ gìn các đức tính như: “đạo hiếu”, đức “thùy chung” và tinh thần “khoan hòa” trong quan hệ ứng xử. Trong đó, chữ hiếu giữ vai trò cốt lõi, trung tâm trong hành vi báo hiếu, báo ơn của con cháu đối với ông bà, cha mẹ; đức thùy chung giữ vai trò then chốt trong nhiệm vụ thiết lập và duy trì hạnh phúc gia đình, và tinh thần khoan hòa là tiền đề duy trì trật tự, nề nếp và lễ giáo gia phong với quan điểm “trong ấm ngoài êm”. Vì lẽ đó, trong Chơ-bấp Kôn-chau có dạy rằng: “Khinh mẹ trái lời Phật dạy; Giống người dù thấp hèn đến đâu cũng không bỏ tình mẹ cha, lời nói của con người dài hơn đường đi, lúa để lâu năm hư gạo”¹⁵.

Rõ ràng, kinh lá buông luôn khuyên dạy và nhắc nhở người đời phải chú ý rèn luyện và trau dồi đức hạnh, nhất là cá nhân mỗi người,

bởi từng cá nhân tốt mới tạo nên một cộng đồng tốt, từng gia đình tốt, gương mẫu mới xây dựng nên xã hội văn minh.

Trong mối quan hệ cộng đồng xã hội, khi nói đến cộng đồng người Khmer hay xã hội Khmer là nói đến một cộng đồng người có lối sống đoàn kết, tương thân tương ái trong tính cộng cảm, cộng sinh bền chặt. Điều này đã được phản ánh rất rõ trong suốt quá trình định cư và sinh tụ lâu dài trên vùng đất Nam Bộ. Trong suốt quá trình đó, cộng đồng người Khmer không chỉ lấy tinh thần bình đẳng, dân chủ làm nguyên tắc hàng đầu trong thiết lập trật tự xã hội mà họ còn nêu cao tinh thần “Đoàn kết, tương thân tương ái” trong xây dựng và phát triển xã hội. Đây được xem là giá trị nổi bật, là truyền thống tốt đẹp trong lối sống của cộng đồng người Khmer, bởi nó chính là thành tố chủ đạo quy định sự tồn tại, phát triển của một cộng đồng người có lối sống đặc trưng trong tính khép kín về văn hóa. Tục ngữ Khmer có câu: “Âm thanh nhắc cho biết ngôn ngữ, tính tình cho biết dòng họ; Tiếng nói thể hiện dân tộc, tính nét thể hiện giống nòi”¹⁶ để nói lên lòng tự tôn, tự hào dân tộc của cộng đồng người Khmer trong suốt quá trình sinh tụ ở vùng đất mới. Cho nên, nhờ phát huy tối đa tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong lao động sản xuất mà việc xây dựng, ổn định xã hội càng trở nên thuận lợi. Tục ngữ Khmer thường dạy rằng: “Đừng ăn no chỉ một mình, không tính đến người khác, người ta đói khổ nên để họ cùng ăn cho no”¹⁷ hay trong Sô-phia-sát cũng luôn nhắc nhở:

“Nhiêch cho - ngay min sơ - mơ bon pho - ôl chích

(Bà con xa không bằng láng giềng gần)

Kim bếch chất đon eng min bay

(Một người không thể sống cô lập không nhờ cậy ai)¹⁸.

Với ngụ ý để răn dạy, nhắc nhở về tinh thần đoàn kết, sống vì nhau và không tách rời trong bất kỳ hoàn cảnh nào, bởi đó chính là chân lý, là kinh nghiệm sống đã được đúc kết của người xưa về giá trị của sự sống, của tinh thần tương thân tương ái, giá trị mà nhờ đó đã định hình nên một xã hội Khmer phát triển bền vững đến hôm nay.

Thứ tư, kinh lá buông khuyên dạy con người sống chân thành, từ tốn và khiêm nhường. Xuất phát từ thực tiễn cuộc sống đã cho thấy

rằng, điều kiện thiết yếu để đảm bảo có được một đời sống gắn kết, an vui và lành mạnh chính là giá trị của sự khiêm nhường và chân thành. Bởi, không có sự từ tốn, khiêm nhường chắc chắn không thể có được sự chân thành đích thực, và tất nhiên cũng không thể duy trì bất kỳ mối quan hệ nào trong thực hiện giao tiếp, ứng xử. Cũng như thế, trong xã hội Khmer, người xưa nói nhiều và chú ý nhiều đến lối sống chân thành, từ tốn và khiêm nhường để vừa răn dạy người đời sống có chừng mực, nhẹ nhàng, vừa hình thành tư cách đạo đức tốt đối với từng cá nhân. Minh chứng rõ nhất cho điều này đó chính là lối sống chân phương, không hơn thua, ngại va chạm hay xa hoa, lãng phí của người Khmer trong đời sống xã hội. Theo đó, toàn bộ của cải do người Khmer tạo ra đều do quá trình lao động chân chính, cần cù mà có được, và phần lớn số của cải đó được dùng vào việc làm phước, cúng chùa và xây chùa. Hơn nữa, trong quan hệ ứng xử, người Khmer hết sức cẩn trọng và chú ý rất nhiều đến lời ăn tiếng nói. Họ bất chuyện, tiếp chuyện một cách nhẹ nhàng và từ tốn, hết sức tránh những điều thị phi, không hay, những điều có thể làm ảnh hưởng đến chính bản thân họ, gia đình, dòng họ và nhất là hình ảnh của phum sóc. Bởi, người Khmer luôn hiểu rằng, lừa dối là tội, là vi phạm đến quy tắc đạo đức của phum sóc, ảnh hưởng đến hình ảnh của cả một cộng đồng người. Do đó, người Khmer hết sức tránh những điều thị phi, tai tiếng, họ sống chân thành, từ tốn và khiêm nhường để xem đó là công cụ, là kim chỉ nam trong xây dựng lối sống thiện lành. Có câu: “*Tho-êk muôi chia kho-éc-đóp* (Một con quạ thành mười con quạ - phê phán thói bịa đặt, khoác lác) hay *Cháchit chia tê-vô-tốt, mocht chia te-vo-da* (Bụng Têvotot, miệng Têvôda hay tâm xả khẩu Phật - Phê phán thói giả dối, dùng lời ngon ngọt để lừa đảo)”¹⁹.

Ngoài ra, để nhắc nhở và khuyên dạy người đời sống chân thành và từ tốn, trong Satra Chơ-bấp Kôn-chau có dạy rằng:

“Nis kir chơ-bấp krom

Pro sơ uddom tuôn mean neak phong

Preur oun lum tuorm

Kom bey mean chho-koan

Prach nha bom phon"

Dịch nghĩa:

Đây là luật dưới

Nội dung cao cả dùng khuyên răn người

Cần phải khiêm nhường

Đừng nên côn đồ

Trí tuệ vẫn hơn²⁰.

Đây được xem là những lời giáo huấn giá trị với ngụ ý khuyên dạy con cháu phải luôn từ tốn, nhã nhặn, không được đối trá, lừa gạt bất kỳ ai, cho dù đó là mối quan hệ nhỏ nhất để giữ hòa khí tốt với mọi người. Cho nên, trong luật dạy con cháu (Satra Chơ-bấp Kôn-chau), người xưa rất chú ý, cẩn trọng trong cách thức giao tiếp và luôn khuyên dạy người đời phải trân quý và giữ gìn mối quan hệ bằng việc sống khiêm nhường, từ tốn và chân thành với những người xung quanh để tạo ra những giá trị đẹp trong cuộc sống. Đây chính là giá trị đạo đức tiêu biểu, đại diện cho tính cách và văn hóa ứng xử của cộng đồng người Khmer. Chính điều này đã góp phần định hình nên một cộng đồng người có lối sống chân thật, hòa hiếu trong suốt quá trình xây dựng và phát triển xã hội hàng thế kỷ qua.

Thứ năm, kinh lá buông nhắc nhở con người phải ra sức bảo vệ môi trường sinh thái. Với truyền thống là những cư dân nông nghiệp lúa nước, môi trường sinh thái vừa là điểm tựa tinh thần vững chắc, vừa có ảnh hưởng rất lớn đến phương thức sản xuất đặc trưng của đời sống cộng đồng. Từ những buổi đầu có mặt và triển khai lối sống ở Nam Bộ đến nay, cộng đồng người Khmer luôn cho thấy họ là cộng đồng người có lối sống gần gũi, hài hòa trong tính tương hợp, tương sinh với môi trường tự nhiên. Đây được xem là đặc điểm nổi bật trong đời sống văn hóa của cộng đồng người Khmer.

Để có được thái độ sống tích cực trong tính thích ứng nhanh với môi trường tự nhiên, rõ ràng tư duy và lối sống của cộng đồng người Khmer chịu ảnh hưởng rất lớn từ nền tảng của giáo lý Phật giáo trong quan niệm về đạo đức sinh thái. Theo đó, từ các nghi thức và Phật thoại mô tả về vũ trụ và con người, người Khmer Nam-Bộ đã cụ thể hóa điều này

CHUYÊN VIÊN

thông qua việc sử dụng các hình thức cúng bái gắn với các yếu tố thuộc môi trường tự nhiên có liên quan trực tiếp đến đời sống con người và hoạt động sản xuất nông nghiệp để giáo huấn người đời. Trong đó, tất cả các yếu tố thuộc về tự nhiên như: cây cối, đất đai, nguồn nước,... đều do chư thiên cai quản và điều chuyển. Từ các truyền thuyết, truyện kể trong dân gian Khmer đề cập đến giới tự nhiên như: *Nguồn gốc vũ trụ và muôn loài, sự tích mưa gió, mặt trời - mặt trăng, truyện Niêng, Mê khata, Truyện Ria-hu,...* cho đến các Lễ hội lớn truyền thống như Chol Chnam Thmây hay Ok Om Bok hay các sự tích gắn liền với sông rạch, ao, đầm và núi rừng²¹ đã minh chứng rất rõ cho tính thiêng trọng giới tự nhiên trong lối sống và tư duy của cộng đồng người Khmer. Người Khmer quan niệm rằng: “Giới tự nhiên luôn có linh hồn do các thần ngự trị ở đó” vì lẽ đó mà Phật giáo Nam tông nghiêm cấm việc lạm sát các loài sinh vật trong sinh giới, cũng như hạn chế và tránh làm tổn hại đến các nguồn lợi tự nhiên. Đây được xem là quy ước căn bản của giáo lý Phật giáo trong phương thức giáo dục đạo đức sinh thái với mục đích khuyên răn, nhắc nhở các tín đồ phải ra sức bảo vệ môi trường tự nhiên, cũng như đảm bảo các nguồn lợi được sử dụng luôn ở trạng thái phong phú và dồi dào. Chính điều này đã tác động mạnh mẽ đến tư duy và lối sống của cộng đồng người Khmer trong quá trình chinh phục và cải tạo tự nhiên trên vùng đất Nam Bộ. Trong suốt quá trình đó, người Khmer luôn thể hiện thái độ dè dặt, thành kính và có chừng mực trong khai thác các sản phẩm từ môi trường tự nhiên để giúp cho việc tổ chức và triển khai đời sống được diễn ra thuận lợi trong tính kết nối hòa hợp với môi trường sinh thái.

Thấm nhuần quan điểm về đạo đức sinh thái có ý nghĩa to lớn đến sự sống con người, cho đến nay, vào các lễ hội lớn trong năm, như: Chol Chnam Thmây, Ok Om Bok hay các ngày hội nông nghiệp (như xuống đồng, thu hoạch nông sản),... cộng đồng người Khmer luôn tiến hành các lễ thức cầu cúng và tạ ơn như bày tỏ lòng thành kính đến trời đất và chư thiên đã phù hộ và ban phát những điều tốt lành cho cuộc sống được đủ đầy. Dân ca Khmer có nói rằng:

Thần Prác In hãy phù hộ chúng tôi

Thần Maha Brum hãy xuống giúp;

Xin mưa đổ xuống ngập đồng.

Hà hơi! Hà hơi!

Giàu sang và sống lâu hãy đến với chúng tôi

Phật pháp đã thấm nhuần mọi người

Ruộng của trời của đất,

Công sức của người.

Hà hơi! Hà hơi!

Một trận mưa xuống: Hạnh phúc sẽ đưa chúng tôi đến Niết Bàn.

(Bài ca cầu mưa)²².

Nhìn chung, có thể thấy rằng, toàn bộ nội dung trong kinh lá buông phản ánh triết lý sống sâu sắc. Đó là bộ kinh sách tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ giáo dục đạo đức con người, giúp con người xây dựng các mối quan hệ đạo đức tốt đẹp. Trong đó, điều đặc biệt có thể thấy, chứa đựng trong toàn bộ nội dung của các Satra chính là những lời khuyên dạy đức hạnh thâm sâu nhưng gần gũi, được gắn liền một cách chân thực với đời sống con người, để nhờ đó mà nó ăn sâu vào tâm thức cả cộng đồng như bộ nguyên tắc ứng xử khuôn mẫu trong xã hội Khmer. Hơn nữa, xuất phát từ những quan điểm, nguyên tắc trong phương thức giáo dục đạo đức làm người, kinh lá buông đã góp phần hình thành nên quan niệm sống tích cực, tiến bộ trong xây dựng và phát triển xã hội. Chính điều này đã góp phần tạo nên lối sống đặc trưng trong tính khép kín về văn hóa của người Khmer Nam Bộ trong suốt quá trình sinh tụ lâu dài đến hôm nay.

Kết luận

Từ sự phân tích ở trên có thể thấy, kinh lá buông chính là cái hồn trong văn hóa Khmer. Ở bình diện tôn giáo, kinh lá buông mang đến sự ổn định về mặt tinh thần khi nó gián tiếp tác động đến tâm thức con người một cách mạnh mẽ thông qua việc điều chỉnh, uốn nắn và thay đổi suy nghĩ, hành vi con người sao cho phù hợp với hoàn cảnh, giúp con người nhận thức được cái chân lý cuộc đời mà thực hành đúng theo giáo lý Phật pháp trong quan niệm về sự sống, về thiện ác, tốt xấu để có thể dung hòa một cách tốt nhất giữa đạo và đời. Ở bình diện

nhận thức, kinh lá buông cung cấp cho con người những thông tin, dữ liệu cần thiết với mục đích chỉ dẫn con người đánh giá đúng, phản ánh đúng thực tại cuộc sống, giúp cho quá trình nhận thức về thế giới xung quanh được diễn ra thuận lợi, đúng hướng, để qua đó có thái độ ứng xử đúng mực với hoàn cảnh và môi trường sống xung quanh. Ở bình diện đạo đức và thẩm mỹ, kinh lá buông góp phần định hướng và xây dựng hành vi đạo đức con người, hướng hoạt động của con người theo những chuẩn mực, quy tắc đạo đức cơ bản. Điều này được thể hiện rõ thông qua các giá trị chuẩn mực như: đạo hiếu, thủy chung, đoàn kết, tương thân tương ái,... Ngoài ra, cùng với việc góp phần xây dựng hành vi đạo đức con người, kinh lá buông còn hướng hoạt động của con người gắn với các giá trị thẩm mỹ tốt đẹp như: Con người biết sống thiện và thực hành việc thiện, có quan hệ ứng xử đúng mực, biết sống vì cộng đồng và phục vụ cộng đồng, có thái độ ứng xử hòa hợp với môi trường tự nhiên,... Rõ ràng, chính những điều trên đã khẳng định giá trị to lớn của kinh lá buông trong quá trình phát triển của lịch sử tộc người. Nó vừa cho thấy sức sống mãnh liệt của bộ kinh lá, vừa cho thấy sức ảnh hưởng mạnh mẽ của nó đối với đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Khmer, giúp cho quá trình sinh sống và hoạt động của cộng đồng được diễn tiến thuận lợi, tốt đẹp trong điều kiện và hoàn cảnh sống tại vùng đất Nam Bộ hơn hai thế kỷ qua./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Dẫn theo: Trang Thiều Hùng (2014), “Ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông đối với ngôn ngữ, văn học và nghệ thuật của người Khome Nam Bộ”, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6 (79), tr. 95.
- 2 Dẫn theo: Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Nxb. Văn đàn, Sài Gòn, tr. 10.
- 3 Đây là hai trường phái cổ trong văn hóa Ấn Độ.
- 4 Là loại cây cùng họ với cây dừa. Cây thốt nốt có thân thẳng, có thể vươn cao đến 30m với tuổi thọ trung bình trên 100 năm. Loại cây này có thể chịu được thời tiết khô hạn, ngập nước, càng lớn cây càng phát triển nhanh.
- 5 Tên gọi của loại than trộn (muội than), có thể dùng để tạo ra các vật liệu trong suốt như: kính, cửa sổ, màn hình cảm ứng,... với tác dụng làm sạch, đẩy lùi các vật thể lỏng như nước và dầu. Có thể xem đây là vật liệu lý tưởng trong công nghệ chế tạo với khả năng chống thấm rất cao.
- 6 Loại dung dịch được các nghệ nhân Khmer dùng trong các hoạt động kỹ nghệ, trang trí ở các chùa.

- 7 Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.215-216.
- 8 Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Sđđ*, tr.216.
- 9 Hoàng Tuấn (2013), “Satra Chobăp, luật tục viết trên lá buông của dân tộc Khmer Nam Bộ”, Tạp chí *Văn hóa - Lịch sử An Giang*, tr.30.
- 10 Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Sđđ*, tr.178.
- 11 Tên nhân vật (người con trai) được đề cập trong truyền thuyết nói về lễ tục báo hiếu của con cái trong dân gian Khmer.
- 12 Lễ tục cầu cúng phổ biến trong tết cổ truyền Chol Chnam Thmây của cộng đồng người Khmer Nam Bộ. Đây là lễ tục gắn liền với đời sống tín ngưỡng, tôn giáo trong văn hóa Khmer. Ngoài ra, lễ tục đắp núi cát còn đề cập đến “thuyết luân hồi” trong dân gian Khmer. Người Khmer cho rằng, mỗi hạt cát được đắp lên sẽ giải thoát được một kẻ có tội ở thế gian. Vì thế, tục đắp núi cát đã ăn sâu vào tâm thức của cộng đồng như hành vi đạo đức tốt đẹp để gieo duyên thiện lành ở thế gian đối với người Khmer.
- 13 Truyện đề cập đến nghề săn bắn và giết hại thú rừng. Mục đích của thể loại truyện này nói đến “luật nhân quả” và những bài học giá trị về thiện - ác, tốt - xấu. Nếu gieo nhân ác (giết hại thú rừng) ở kiếp này, tất yếu sẽ gặp quả dữ ở kiếp sau (hình hồn muôn thú sẽ quấy phá).
- 14 Hoàng Tuấn (2013), *Tlđđ*, tr.29.
- 15 Nguyễn Thị Kiều Tiên (2014), “Tìm hiểu nội dung tục ngữ Khmer (qua so sánh với tục ngữ Việt)”, Tạp chí *Khoa học*, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tr.97.
- 16 Nguyễn Thị Kiều Tiên (2014), *Tlđđ*, tr.97.
- 17 Nguyễn Thị Kiều Tiên (2014), *Tlđđ*, tr.99.
- 18 Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Sđđ*, tr.174.
- 19 Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Sđđ*, tr.178.
- 20 Hoàng Tuấn (2013), *Tlđđ*, tr.29.
- 21 Đề cập đến các sự tích như: sự tích Ao Bà Om (Trà Vinh), Giếng Chi - riêng Anh (Hậu Giang), sự tích núi Mê Deng (núi Bà Đen Tây Ninh).
- 22 Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Sđđ*, tr.182.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trang Thiều Hùng (2014), “Ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông đối với ngôn ngữ, văn học và nghệ thuật của người Khmer Nam Bộ”, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6 (79).
2. Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Nxb. Văn đàn, Sài Gòn.
3. Ngô Văn Lệ (chủ biên, 2017), *Đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
4. Trần Hồng Liên (2003), “Vai trò của chùa Khmer trong việc giáo dục”, *Khoa học xã hội*, số 4.
5. Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Hà Lý (2004), *Chùa Khmer Nam Bộ với văn hóa đương đại*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

7. Nguyễn Thị Kiều Tiên (2014), “Tìm hiểu nội dung tục ngữ Khmer (qua so sánh với tục ngữ Việt)”, *Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*.
8. Hoàng Tuấn (2013), “Sutra Chobáp, luật tục viết trên lá buông của dân tộc Khmer Nam Bộ”, *Văn hóa - Lịch sử An Giang*.
9. Phan Anh Tú (2014), “Ứng xử với môi trường tự nhiên của người Khmer ở Nam Bộ - Nhìn từ sinh thái học Phật giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 05 (131).
10. Thích Nhật Từ (2020), *Phật giáo Nam tông tại vùng Nam Bộ*, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Phật giáo vùng Mê - Kông di sản và văn hóa*, tập 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Viện Văn hóa (1988), *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang.

Abstract

PALM-LEAF MANUSCRIPTS - PHILOSOPHY OF ETHICAL EDUCATION FOR THE KHMER COMMUNITY'S SPIRITUAL LIFE IN THE SOUTH VIETNAM

Nguyen Van Thanh

An Giang University,

Vietnam National University - Ho Chi Minh City

The art and cultural treasure of the Khmer communities in the South still preserves traditional cultural heritage. In particular, there are Palm-leaf manuscripts which are a unique art form written on leaves for the purpose of recording Buddhist scriptures or customary laws and teachings of the Khmer. Palm-leaf manuscripts' scriptures are still considered a great heritage with a strong influence on religious life, as well as being a profound source of the human mind to the regulation of social appearance and ethnic lifestyle of the Khmer communities during the long-term settlement and living in the Southern region. The study of the Palm-leaf manuscripts' scriptures not only preserves and promotes their influence on the spiritual and cultural life, but also honors the noble and humane values in building the Khmer society into a harmonious combination of tradition and modernity.

Keywords: Palm-leaf manuscripts; Sutra; Khmer; South Vietnam.